

CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH VĨNH PHÚC

THÁNG 01 NĂM 2024



Chỉ số SX
công nghiệp

T01 so cùng kỳ

▲ 31,99%



Thu NSNN ▼ 3,29%

Chi NSNN ▼ 55,40%

T01 so cùng kỳ



Tổng mức BLHH
& doanh thu DVTD

T01 so cùng kỳ

▲ 8,42%



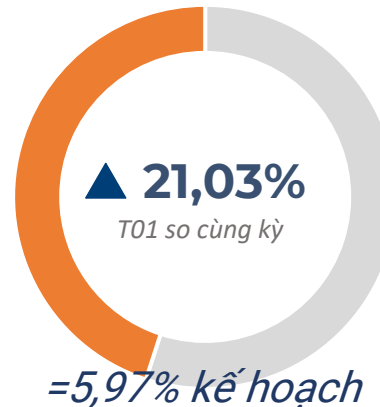
Xuất nhập khẩu

Kim ngạch XK ▼ 1,00%

Kim ngạch NK ▲ 1,00%

T01 so cùng kỳ

VĐT thực hiện NSNN



Thu hút đầu tư trực tiếp

Tính đến ngày 15/01/2024

09 dự án FDI

Tổng vốn
đăng ký 69,44 triệu USD

01 dự án DDI

Tổng vốn
đăng ký 15 tỷ đồng

Nghân hàng

So với cuối năm 2023

▲ 0,62%



Tổng nguồn vốn huy động

▲ 0,34%

Tổng dư nợ cho vay

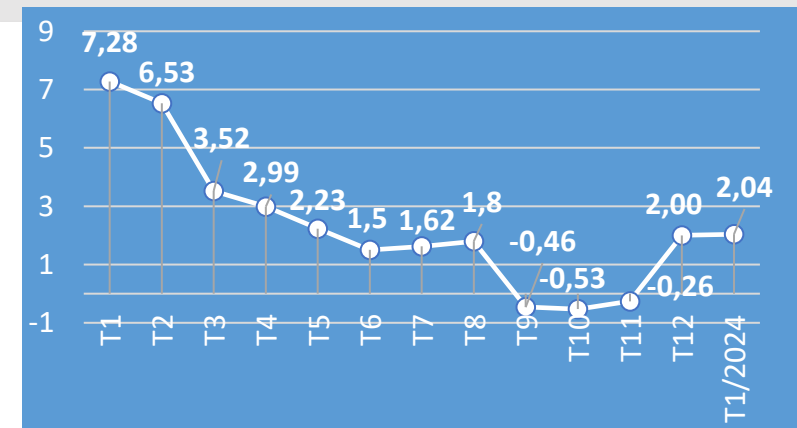
209

DN thành lập
mới và quay trở
lại hđ

464

DN rút lui khỏi
thị trường

Đăng ký doanh nghiệp



CPI các tháng năm 2023 và tháng 01/2024 so cùng kỳ (%)

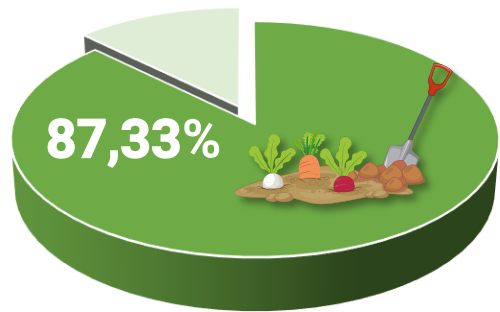
I.TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1.Trồng trọt

Ước tính đến ngày 15/01/2024, toàn tỉnh thu hoạch vụ đông được 12.691 ha, đạt 87,33% diện tích gieo trồng; gieo trồng được 3.955 ha cây vụ Xuân (trong đó chủ yếu là diện tích lúa ước đạt 3.622 ha, chiếm 91,6%, giảm gần 40% so với cùng thời điểm năm trước).

Tiến độ thu hoạch vụ Đông
2023 - 2024

12.691ha



2. Chăn nuôi

Chăn nuôi có xu hướng tích cực do giá lợn hơi đã tăng so với tháng trước, tuy nhiên sản lượng thịt hơi xuất chuồng giảm nhiều so với cùng kỳ, ước đạt 12,7 nghìn tấn, giảm 6,01% so với cùng kỳ chủ yếu do tháng 01/2023 là tháng có Tết nên nhu cầu tiêu thụ tăng cao.

3. Lâm nghiệp

19,3 ha



Diện tích rừng trồng mới

3.388 m3

▲ 4,18%



Sản lượng gỗ khai thác

▼ 6,01%



Tổng sản lượng
thịt hơi xuất chuồng

▼ 11,92%



Thịt trâu, bò

▲ 5,80%



Thịt lợn

▲ 5,54%



Thịt gia cầm

4. Thủy sản

▲ 3,02%



Tổng sản lượng
thủy sản

▼ 2,27%



Khai thác

▲ 3,49%



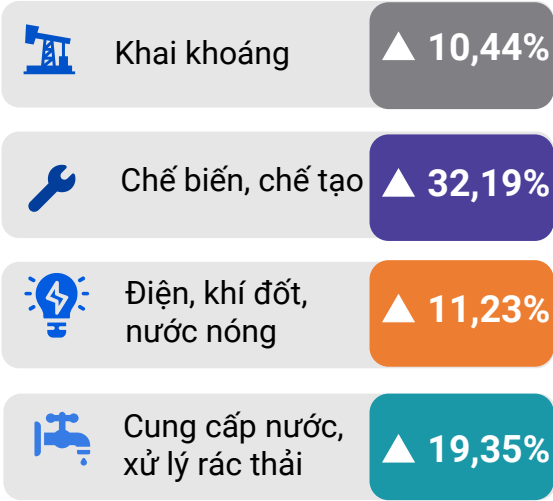
Nuôi trồng

II.TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1. Sản xuất công nghiệp

Tháng 01/2024, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 31,99% so cùng kỳ, tuy nhiên vẫn giảm 10,15% so với tháng 12/2023. Tốc độ tăng cao chủ yếu do tháng 01/2023 có kỳ nghỉ Tết cổ truyền kéo dài, số ngày hoạt động thực tế của các DN giảm từ 6-10 ngày gây giảm sản lượng đáng kể trong nhiều ngành công nghiệp.

Trong các ngành công nghiệp chủ lực, ngành sản xuất linh kiện điện tử tăng 31,52% so cùng kỳ, so với tháng 12/2023 giảm 18,31%. Ngành sản xuất xe có động cơ và sản xuất phương tiện vận tải đã có sự phục hồi tích cực: Sản xuất ô tô tăng 40,62% và sản xuất xe máy tăng 26,11% so với cùng kỳ; so với tháng 12/2023 sản xuất ô tô tăng 6,11% và xe máy tăng 15,27%.



		T1/2024	So với cùng kỳ	So với tháng trước
Xe ô tô				
	Chiếc	4.232	▲ 44,29	▲ 6,47%
Xe máy				
	Chiếc	150.187	▲ 28,02	▲ 16,86%
Linh kiện điện tử				
	tỷ đồng	13.353	▲ 12,41	▼ 25,70%
Gạch ốp lát				
	1000 m2	6.675	▲ 77,83	▼ 12,89%

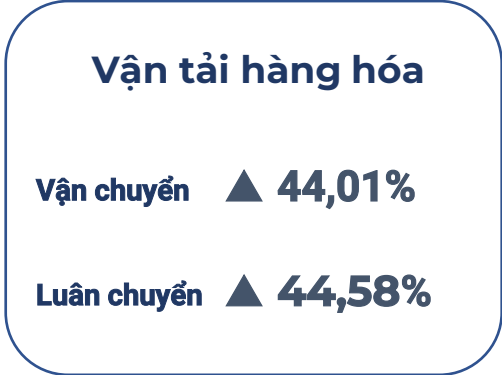
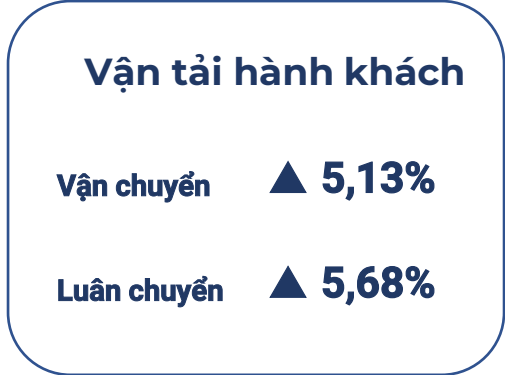
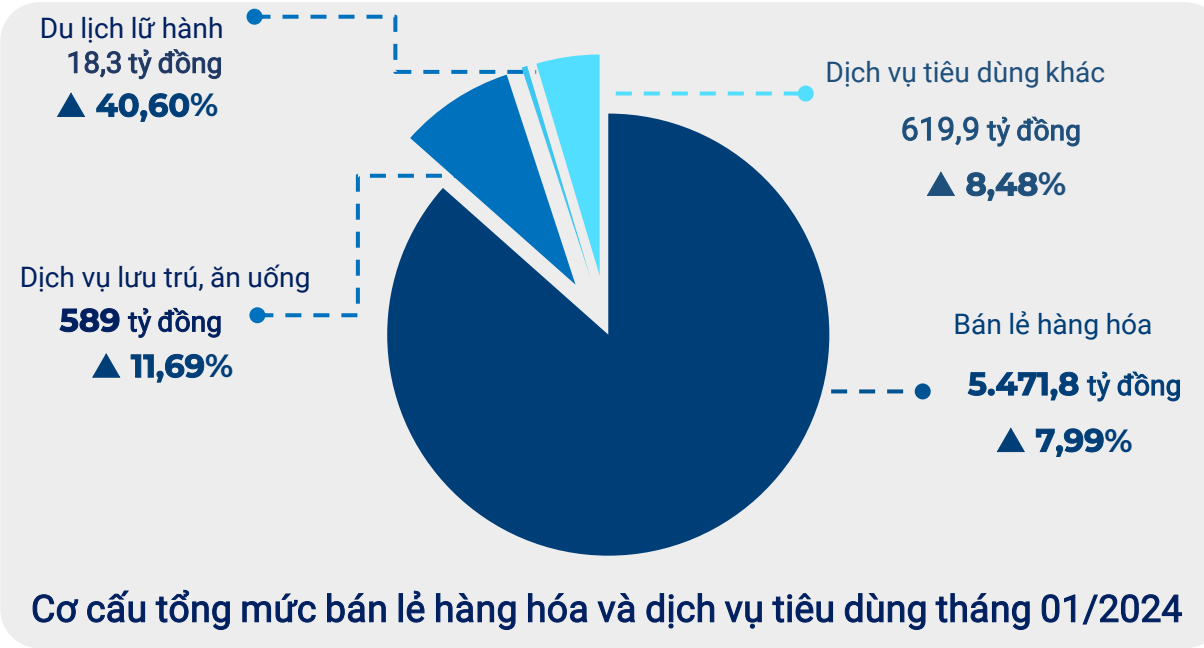
Sản phẩm công nghiệp chủ yếu

III. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

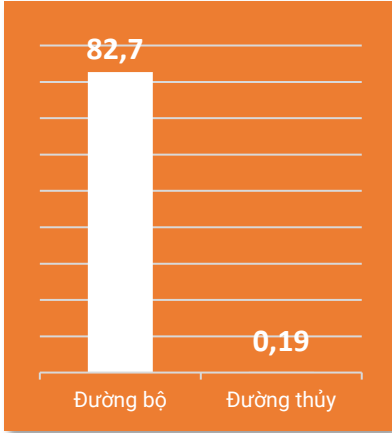
1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và vận tải

Tháng 01/2024, tình hình kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn diễn ra sôi động, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết nguyên đán 2024. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn ước đạt 6.699,1 tỷ đồng, tăng 8,42% so với cùng kỳ và tăng 1,65% so tháng 12/2023.

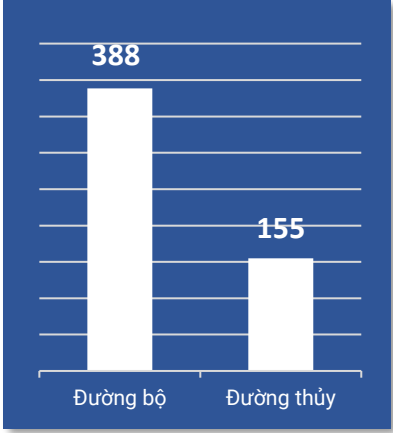
Hoạt động vận tải có sự tăng trưởng khá cao so cùng kỳ, đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân: Tổng doanh thu vận tải ước đạt 688,8 tỷ, tăng 43,10%, trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 82,9 tỷ đồng, tăng 106,24%; doanh thu vận tải hàng hóa 543,5 tỷ, tăng 47,50%.



T01 so với cùng kỳ



Doanh thu vận tải hành khách (tỷ đồng)

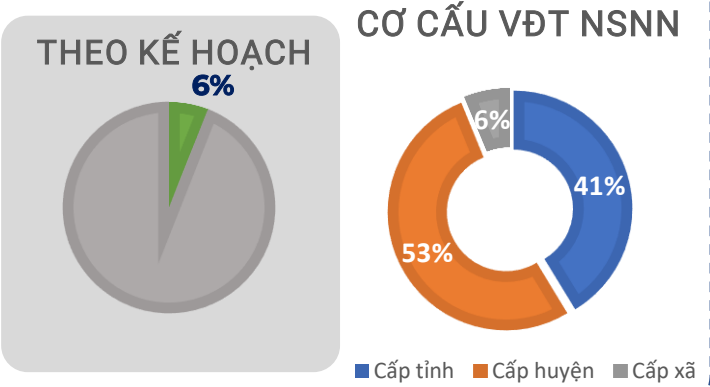


Doanh thu vận tải hàng hóa (tỷ đồng)

IV. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1.Vốn đầu tư thực hiện NSNN

Ước tính vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện tháng 01/2024 đạt 464,16 tỷ đồng, bằng 5,97% vốn kế hoạch năm 2024; giảm mạnh so với tháng cuối năm 2023 (chỉ đạt 22,63% so với 12/2023) do các dự án mới đang trong giai đoạn chuẩn bị, thủ tục đầu tư.



2. Thu hút đầu tư trực tiếp



3. Đăng ký doanh nghiệp

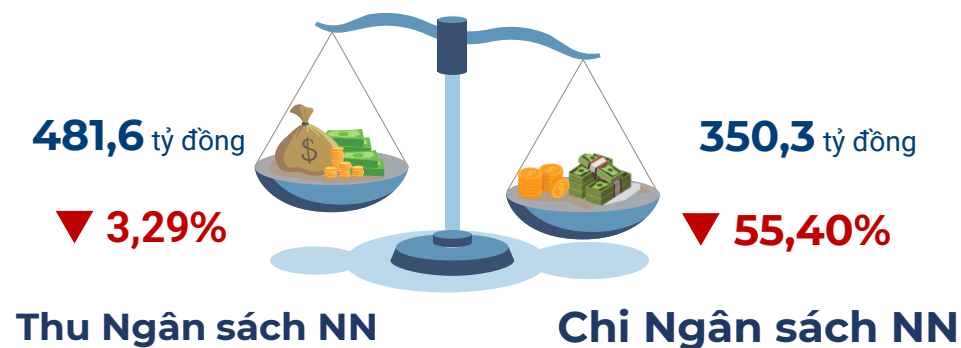
	Đến 15/01/2024	So với cùng kỳ năm trước (%)
DN đăng ký thành lập mới	86	191,11
DN hoạt động trở lại	123	116,04
DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	451	121,89
DN đã hoàn tất thủ tục giải thể	13	650,00

Tháng 01 năm 2024



V. THU CHI NSNN

Trong tháng các doanh nghiệp đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán số thuế phải nộp năm 2023 nên chưa thực hiện nộp thuế, tác động tới nguồn thu ngân sách của tỉnh. Tính đến 15/01/2024, theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 481,6 tỷ đồng, giảm 3,29% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 320 tỷ đồng; thu hải quan đạt 161 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 350,3 tỷ đồng, bằng 44,60% so với cùng kỳ.



VI. NGÂN HÀNG

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn tháng 01/2024 ổn định, giữ nguyên các mức lãi suất tại thời điểm tháng 12/2023

Dự kiến đến 31/01/2024

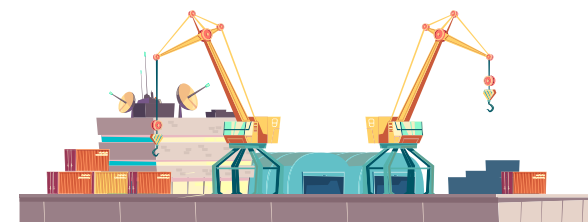
Tổng nguồn vốn huy động
tăng 0,62% so với cuối năm 2023. **127.000 tỷ đồng**

Tổng dư nợ cho vay
tăng 0,34% so với cuối năm 2023. **128.600 tỷ đồng**

Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 0,67%.



Xuất nhập khẩu (T01 so với cùng kỳ)



VII. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Thị trường lao động tại tỉnh trong tháng Một nhìn chung ổn định, chỉ số sử dụng lao động của các DN công nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng 3,80% so với tháng trước và tăng 6,82% so với cùng kỳ.

Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn bảo đảm việc làm ổn định cho người lao động. Theo báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, tháng 01/2024 toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 1.055 lao động. Số lao động nghỉ giãn việc trong tháng là 1.952 lao động; lao động thôi việc, mất việc là 720 lao động.



Chỉ số sử dụng lao động

(T01 so với cùng kỳ)

▲ 6,82%



Giải quyết việc làm

(T01/2024)

1.055
Lao động



Lao động nghỉ giãn việc

(T01/2024)

1.952
Lao động



Lao động thôi việc, mất việc

(T01/2024)

720
Lao động